

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-11-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ M, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;
2. Ông Nguyễn Công Tạo.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 151/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị Mai A, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 8, ấp TL, xã BĐ, thị xã BĐ, thị xã M, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Đình B, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 8, ấp TL, xã BĐ, thị xã M, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 8 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thạch Thị Mai A trình bày:

Bà Thạch Thị Mai A và ông Võ Đình B tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới dưới sự chứng kiến của hai bên gia đình vào năm 2005. Sau khi cưới, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã BĐ, thị xã M, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2006 ngày 29/5/2006.

Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc, đến một vài năm trở lại đây thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống, tính tình không hợp, ông B không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột, đôi lúc xảy ra xô xát. Ông B không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, bà A nhiều lần khuyên can nhưng ông B không thay đổi. Vợ chồng và gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng tiếp tục chung sống và chăm lo cho con nhưng không có kết quả. Đến khoảng đầu năm 2019, bà A và ông B cãi nhau nhiều hơn, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, vợ chồng không thể hòa giải và tiếp tục được chung sống cùng nhau nên bà A dọn ra ở riêng. Ông B tiếp tục sinh sống tại căn nhà nơi đăng ký thường trú ở xã BĐ, thị xã M, tỉnh Bình Dương, bà A dọn ra phòng trọ ở phường UH sinh sống cùng các con, bà A đi làm công nhân và tự nuôi dưỡng hai con.

Trong quá trình hôn nhân, vợ chồng bà A và ông B có với nhau hai con chung tên Võ Ngọc C, sinh ngày 05/12/2005 và Võ Ngọc D, sinh ngày 27/10/2011. Hiện tại, cháu C và cháu D đang sinh sống cùng bà A, từ khi bà A và ông B không còn chung sống cùng nhau, bà A một mình nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, ông B không thăm nom, cấp dưỡng nuôi con.

Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông B. Về con chung, sau khi ly hôn, bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc hai con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, đã có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt vì lý do công việc không thể tham gia phiên tòa.

Bị đơn ông Võ Đình B đã được đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông B không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Đình B vắng mặt. Theo biên bản xác minh ngày 04/10/2019, tại Ủy ban nhân dân xã BĐ, thị xã M, tỉnh Bình Dương thể hiện: Bà Thạch Thị Mai A sinh năm 1984 và ông Võ Đình B sinh năm 1980 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 8, ấp TL, xã BĐ, thị xã M, tỉnh Bình Dương. Hiện tại, ông B vẫn còn sinh sống tại địa chỉ thường trú trên. Riêng bà Thạch Thị Mai A và hai con chung không còn sinh sống cùng ông B tại địa chỉ đăng ký thường trú trên.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã M thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình điều tra, việc thu thập chứng cứ, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng được Tòa án thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung: Bà Thạch Thị Mai A và ông Võ Đình B tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Bà A và ông B mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp và hai vợ chồng đã ly thân được hơn một năm. Ông B được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng thể hiện không có thiện chí hòa giải, hàn gắn hạnh phúc gia đình cùng bà A. Do đó, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông B là có căn cứ. Về con chung, hai con chung tên Võ Ngọc C, sinh ngày 05/12/2005 và Võ Ngọc D, sinh ngày 27/10/2011 hiện đang sống cùng với bà A, điều kiện chăm sóc, giáo dục tốt, đảm bảo cho hai con chung đủ điều kiện để phát triển. Do đó, bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con là có cơ sở chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện bà A là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn là ông Võ Đình B có địa chỉ cư trú tại tổ 8, ấp TL, xã BÐ, thị xã M, tỉnh Bình Dương nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Bình Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã có lời khai thể hiện ý kiến của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Mai A và ông Võ Đình B tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BÐ, thị xã M, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/2006 ngày 29/5/2006 là hôn nhân hợp pháp. Bà A xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và vợ chồng đã sống ly thân gần được một năm. Trong quá trình tố tụng, ông B không đến Tòa án tham gia hòa giải, phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia tố tụng ở tất cả các lần Tòa án triệu tập. Do đó, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A và ông B đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà A yêu cầu ly hôn với ông B là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà A, ông B có hai con chung tên Võ Ngọc C, sinh ngày 05/12/2005 và Võ Ngọc D, sinh ngày 27/10/2011. Hiện tại, hai con chung đang sống cùng bà A, điều kiện chăm sóc, giáo dục được đảm bảo. Bà A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc hai con là có căn cứ chấp nhận. Bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Bà Thạch Thị Mai A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Thạch Thị Mai A đối với bị đơn Võ Đình B về việc “ly hôn và tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Mai A được ly hôn với ông Võ Đình B.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Võ Ngọc C, sinh ngày 05/12/2005 và Võ Ngọc D, sinh ngày 27/10/2011 cho bà Thạch Thị Mai A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Bà Thạch Thị Mai A và ông Võ Đình B đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung thì người đang trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm

nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Thạch Thị Mai A phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số AA/2016/0037205 ngày 06/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã M (01);
- Chi cục THADS thị xã M (01);
- UBND xã BĐ, thị xã M, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thiện